TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỚN QUẢN
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Bản án số:48/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 30 - 5 - 2024
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỚN QUẢN, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- ***Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
  Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Hải
  Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Quốc Vượng
  Bà Phạm Thị Thanh Hương
- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Lan– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hớn Quản tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thanh Thùy – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 05 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 288/2023/LST-HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2023 về việc "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 14/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Anh Lê Văn Đ, sinh năm 1996; Vắng mặt
Địa chỉ: Tổ F, khu phố C, phường M, thị xã C, tỉnh Bình Phước.
* *Bị đơn*: Chị Lê Lan A, sinh năm 1999; Vắng mặt
Địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Lê Văn Đ *trình bày*:

Anh Đ và chị A sau thời gian tìm hiểu tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2016, đến năm 2017 mới đăng đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng hay cãi vã nhau, không có tiếng nói chung, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc nên đến năm 2019 anh Đ, chị A sống ly thân không ai quan tâm gì đến ai. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống vợ chồng không thể tiếp tục nên anh Đ yêu cầu được ly hôn với Lê Lan A để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung Lê Văn Gia B, sinh ngày: 05/10/2017. Khi ly hôn anh Đ yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung.

Về cấp dưỡng: Anh Đ không yêu cầu chị A cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có

Tại bản tự khai ngày 25/3/2024, bị đơn chị Lê Lan A *trình bày:*

Anh Đ và chị A tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2016, đến năm 2017 mới đăng đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện H. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc nên sống ly thân từ năm 2019 đến nay. Anh Lê Văn Đ yêu cầu ly hôn thì chị A đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung Lê Văn Gia B, sinh ngày: 05/10/2017. Nay ly hôn chị A đồng ý giao con chung cho anh Đ nuôi dưỡng, chị A không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hớn Quản phát biểu như sau: Về tố tụng: Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về việc thu thập chứng cứ, giải quyết vụ án từ khi nhận đơn, thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử mở phiên toà. Tại phiên toà hôm nay, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn không thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong quá trình tố tụng. Nguyên đơn, bị đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định; *Về nội dung vụ án:* Căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự về hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Lê Văn Đ khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Lê Lan A có nơi cư trú tại ấp H, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước; Căn cứ theo Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.

Anh Lê Văn Đ và chị Lê Lan A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Áp dụng khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Đ, chị A.

Xét yêu cầu khởi kiện của anh Lê Văn Đ thấy rằng:

[2] Về quan hệ hôn nhân*:* Anh Đ và chị A tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau năm 2016, đến năm 2017 anh Đ và chị A mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước; Hôn nhân hợp pháp phù hợp với quy định tại điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Trong quá trình giải quyết vụ án anh Đ và chị A xác nhận đời sống chung không hạnh phúc, do vợ chồng bất đồng quan điểm sống trong mọi vấn đề trong cuộc sống và công việc dẫn đến vợ chồng hay

cãi vã nhau. Đến năm 2019 thì vợ chồng sống ly thân không ai quan tâm gì đến ai. Xét thấy mâu thuẫn giữa các bên đã trầm trọng, mâu thuẫn kéo dài, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh Đ yêu cầu ly hôn chị A đồng ý ly hôn. Đây là sự tự nguyện của các bên nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đ.

[3] Về con chung*:* Anh Đ và chị A có 01 con chung Lê Văn Gia B, sinh ngày: 05/10/2017. Anh Đ yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, chị A đồng ý giao con chung cho anh Đ nuôi dưỡng. Đây là sự tự nguyện của các bên, cần chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Đ không yêu cầu nên không xem xét .

[4] Về tài sản chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu nên không xem xét.

[5] Về nợ chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu nên không xem xét.

[6] Về án phí*:* Nguyên đơn phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

[7] Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa*:* Tại phiên tòa ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hớn Quản có căn cứ pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 207; khoản 3 Điều 228; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Lê Văn Đ với chị Lê Lan A (Giấy chứng nhận kết hôn số 117/2017 ngày 30/11/2017, do Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước).

Về con chung: Giao con chung Lê Văn Gia B, sinh ngày 05/10/2017 cho anh Lê Văn Đ trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Anh Lê Văn Đ không yêu cầu nên không xem xét.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đề việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi tích mọi mặt của con chưa thành niên, các bên có quyền thay đổi mức cấp dưỡng,

xin thay đổi người trực tiếp nuôi con nếu có căn cứ cho rằng bên kia không đáp ứng được quyền lợi của con.

3.Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Anh Lê Văn Đ phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí anh Đ đã nộp theo biên lai thu số 0014834 ngày 21/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.

5. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Hớn Quản;
- Chi cục THADS huyện Hớn Quản;
- Các đương sự;
- Nơi cấp GCN kết hôn
- Lưu HS;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Minh Hải